

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập lắp đặt điện (228260) - Nhóm 02**

CBGD: **Trần Thiện Tường (280026)**

Số SV có mặt: 19
Số bài thi: 19
Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050036	THÁI XUÂN DÂN	16/12/2002	CCQ2005B			Dân	7,7	70	7,3		
2	2120050038	DƯƠNG THÀNH ĐẠT	25/03/2002	CCQ2005B			Đạt	7,7	70	7,3		
3	2120050039	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	15/10/2002	CCQ2005B			Đạt	7,0	6,5	6,7		
4	2120050071	LÊ VIỆT ĐĂNG	17/01/2002	CCQ2005C			Đặng	7,0	7,0	7,0		
5	2120050040	NGUYỄN ANH ĐƯỢC	22/12/2002	CCQ2005B			Được	6,0	6,0	6,0		
6	2120050041	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	05/02/2002	CCQ2005B			Hoàng	8,0	8,5	8,3		
7	2120050044	NGUYỄN MẠNH HÙNG	10/02/2002	CCQ2005B			Hùng	6,3	6,5	6,4		
8	2120050042	LÊ TRẦN QUANG HUY	05/11/2002	CCQ2005B			Huy	8,0	8,0	8,0		
9	2120050047	HUỲNH PHÚ LÂM	01/03/2002	CCQ2005B			Lâm	6,0	6,0	6,0		
10	2120050048	LÊ VĂN LỢI	01/07/2002	CCQ2005B			Lợi	8,3	8,0	8,1		
11	2120050128	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	11/04/2000	CCQ2005A			Tiến	7,0	6,5	6,7		
12	2120050026	BÙI VĂN TÀI	05/01/2001	CCQ2005A			Tài	6,3	6,0	6,1		
13	2120050027	BÙI VĂN DUY TÂN	08/12/2002	CCQ2005A			Tân	8,0	8,0	8,0		
14	2120050029	NGUYỄN THIÊN THÀNH	26/07/2000	CCQ2005A			Thành	7,3	8,0	7,7		
15	2120050028	NGUYỄN THẾ TÂN	24/09/2001	CCQ2005A			Tân	8,3	8,5	8,4		
16	2120050030	LÊ VĂN THỊNH	15/06/2000	CCQ2005A			Thịnh	7,3	8,5	8,0		
17	2120050032	LÊ THANH TUẤN	03/07/2002	CCQ2005A			Tuấn	7,7	8,0	7,9		
18	2120050033	NGUYỄN LÊ HOÀI VŨ	06/07/2002	CCQ2005A			Vũ	7,3	7,5	7,4		
19	2120050034	CAO VĂN TUẤN VŨ	16/12/2001	CCQ2005A			Vũ	8,0	8,0	8,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

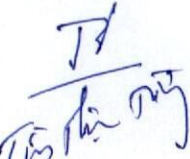
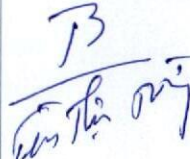
Môn học: **Thực tập lắp đặt điện (228260) - Nhóm 03**

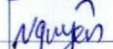
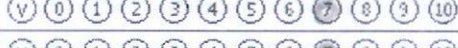
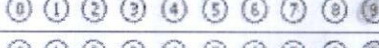
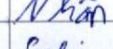
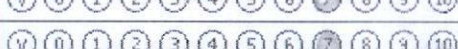
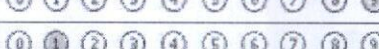
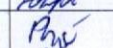
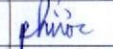
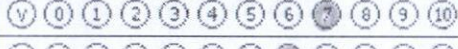
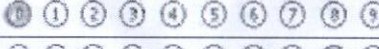
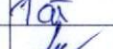
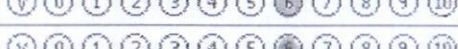
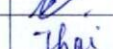
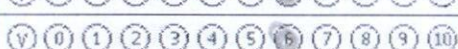
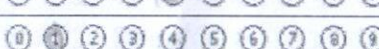
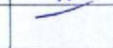
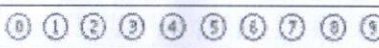
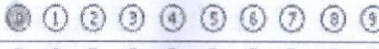
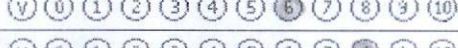
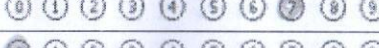
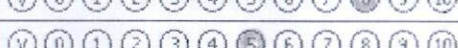
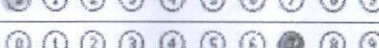
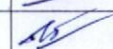
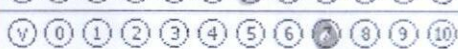
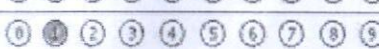
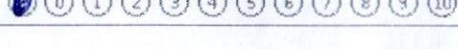
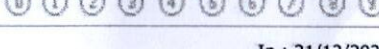
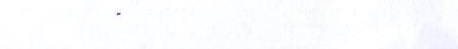
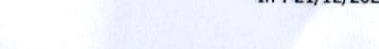
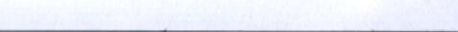
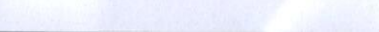
CBGD: **Trần Thiện Tường (280026)**

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120170404	TRẦN DUY KHOAN	18/11/2002	CCQ2005D				7.0	7.0	7.0		
2	2120050049	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	09/09/2002	CCQ2005B				8.3	8.0	8.1		
3	2120050050	BÙI VŨ BÁCH	20/02/2002	CCQ2005B				7.7	8.0	7.9		
4	2120050051	ĐÌNH VĂN NHÂN	26/06/2002	CCQ2005B				6.3	9.0	7.9		
5	2120050052	SON NHI	22/11/2002	CCQ2005B				7.3	7.0	7.1		
6	2120050053	NGUYỄN XUÂN PHÚ	06/09/2001	CCQ2005B				7.0	7.0	7.0		
7	2120050054	TRƯƠNG BÌNH PHƯỚC	18/05/2001	CCQ2005B				6.5	6.5	6.5		
8	2120050056	TRẦN BÁ QUỐC	26/09/2002	CCQ2005B				7.0	7.0	7.0		
9	2120050058	VŨ ĐỨC TÀI	15/10/2001	CCQ2005B				7.3	6.5	6.8		
10	2120050059	BÁ HOÀNG TÂN	29/09/2001	CCQ2005B				6.3	6.5	6.4		
11	2120050060	HUỖNH HỮU THÁI	02/06/2002	CCQ2005B				7.0	5.5	6.1		
12	2120050122	DANH THIÊN THANH	06/03/2002	CCQ2005D								
13	2120050061	NGUYỄN MINH TI	25/07/2001	CCQ2005B				8.0	8.0	8.0		
14	2120050062	PHAN TRỌNG TÍNH	22/05/2002	CCQ2005B				7.0	6.5	6.7		
15	2120050063	TÔ VĂN TÍNH	27/06/2002	CCQ2005B				8.0	8.0	8.0		
16	2120050065	HUỖNH MINH TRÍ	08/12/2002	CCQ2005B				6.0	5.5	5.7		
17	2120050067	TRẦN MINH TÚ	10/08/2002	CCQ2005B				7.3	7.0	7.1		
18	2120050066	NGUYỄN NGỌC THANH TÙNG	17/03/2002	CCQ2005B				9.0	8.5	8.7		
19	2120050068	THIÊN NGỌC VÂN	02/12/2002	CCQ2005B				5.3	5.5	5.4		
20	2120050069	NGUYỄN CHÍ VIỄN	01/11/2002	CCQ2005B								

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

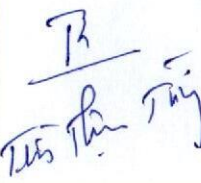
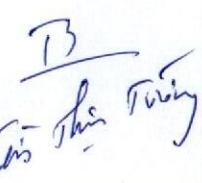
Môn học: **Thực tập lắp đặt điện (228260) - Nhóm 03**

CBGD: **Trần Thiện Tường (280026)**

Số SV có mặt: 19.....

Số bài thi: 19.....

Số tờ giấy thi: 19.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120170527	ĐINH QUANG VINH	10/01/2002	CCQ2005D				7,7	7,0	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Thực tập lắp đặt điện (228260) - Nhóm 05**

CBGD: **Trần Thiện Tường (280026)**

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

Cán bộ coi thi 1 <i>TB</i> <i>Trần Thiện Tường</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>TB</i> <i>Trần Thiện Tường</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>TB</i> <i>Trần Thiện Tường</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>TB</i> <i>Trần Thiện Tường</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120200002	ĐOÀN HỮU BẮNG	30/10/2002	CCQ2005D			<i>Bằng</i>	6,7	7,0	6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050107	ĐÀO VĂN CÔNG	22/04/2001	CCQ2005D			<i>Công</i>	5,7	6,0	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050108	NGUYỄN TRÚC DUY	05/07/2002	CCQ2005D			<i>Duy</i>	7,3	7,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050110	PHẠM CÔNG HẬU	30/08/2002	CCQ2005D			<i>Hậu</i>	6,0	6,5	6,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050136	NGÔ NGUYỄN HOÀNG HIỆP	28/01/2002	CCQ2005D			<i>Hiệp</i>	7,0	6,5	6,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050112	NGUYỄN THANH HOÀNG	03/12/2002	CCQ2005D			<i>Hoàng</i>	7,0	6,0	6,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050137	NGUYỄN HOÀNG HUY	10/07/2002	CCQ2005D			<i>Huy</i>	7,7	6,5	7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050113	TẠ NGỌC HUY	10/07/2002	CCQ2005D			<i>Huy</i>	7,3	7,0	7,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050115	TRƯƠNG DUY KHÁNH	13/06/2002	CCQ2005D			<i>Khánh</i>				V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050117	NGUYỄN TUẤN ANH	19/09/2001	CCQ2005D							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120170330	NGUYỄN VĂN KHOA	05/11/2002	CCQ2005D			<i>Khoa</i>	6,7	6,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120170538	NÃO VĂN KY	20/02/2002	CCQ2005D			<i>Ky</i>	6,7	6,5	6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120240108	HỒ LÊ HOÀNG NAM	13/09/2002	CCQ2005D			<i>Nam</i>	6,0	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050119	NGUYỄN PHÚC NHÂN	09/06/2001	CCQ2005D			<i>Nhan</i>	6,0	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120110125	HUỖNH VĂN SÁNG	18/09/2000	CCQ2005D							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120110097	HUỖNH VĂN THÀ	26/05/2002	CCQ2005D			<i>Thà</i>	5,7	6,0	5,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050123	NGUYỄN NGỌC THIÊN	31/07/2002	CCQ2005D			<i>Thiên</i>	5,3	5,0	5,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050138	VI PHÚC THỊNH	30/11/2002	CCQ2005D			<i>Thịnh</i>	8,0	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050124	LÊ VŨ TRƯỜNG	17/11/2002	CCQ2005D			<i>Trường</i>	6,0	6,0	6,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050139	ĐỖ QUỐC TRƯỜNG	30/07/2002	CCQ2005D			<i>Trường</i>	7,3	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

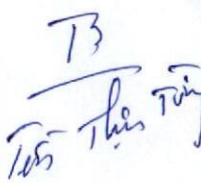
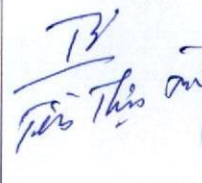
Môn học: **Thực tập lắp đặt điện (228260) - Nhóm 05**

CBGD: **Trần Thiện Tường (280026)**

Số SV có mặt: 20.....

Số bài thi: 20.....

Số tờ giấy thi: 20.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120050125	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	04/09/2002	CCQ2005D				5,0	5,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120050140	PHẠM VĂN VÀNG	27/04/2002	CCQ2005D				7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120050126	PHAN THANH VINH	03/04/2002	CCQ2005D				7,2	6,5	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9